

Bản án số: 247/2019/HS-PT
Ngày 21-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng

Ông Trần Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 235/2019/TLPT-HS ngày 17 tháng 7 năm 2019, đối với các bị cáo Trần Huy S và 03 bị cáo về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của các bị cáo Trần Huy S và 03 bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Trần Huy S**; sinh ngày 19 tháng 9 năm 2000; nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Trần Huy S1, sinh năm 1960 và bà Triệu Thị S, Sinh năm: 1960; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Đình T1**; sinh ngày 25 tháng 7 năm 2000; nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông: Lê Đình C, sinh năm 1959 và bà Phan Thị H, Sinh năm: 1974; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Minh B; sinh năm 1999; nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 và bà Trần Thị H, Sinh năm: 1976; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Trần Thanh T2; sinh ngày 25 tháng 5 năm 2000; nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: Trần Thanh D, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Kim L, Sinh năm: 1970; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Phan Thị T3 nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị T3, sinh ngày 06/03/2002, trú tại thôn F, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk thông qua mạng xã hội facebook có quen biết với Nguyễn Văn K, sinh năm 1996, trú tại khu chung cư L, phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh, trong thời gian quen nhau thì giữa P và K nảy sinh tình cảm yêu nhau. Ngày 17/12/2018, Nguyễn Văn K điều khiển xe mô tô biển số 88C1-159.83 từ thành phố Hồ Chí Minh lên nhà P để chơi. Khi đó nhà của P bố mẹ đã đi về quê chơi chỉ có P và chị gái là Phan Thị T3, sinh ngày 04/6/2001 ở nhà. P và T3 có rủ các bạn chơi là Trần Huy S, sinh ngày 19/9/2000, Lê Đình T1, sinh ngày 27/7/2000 cùng trú tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Minh B, sinh ngày 11/9/1999, trú tại thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, Trần Thanh T2, sinh ngày 02/5/2000, trú tại thôn F, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đến nhà chơi. Tại nhà P và T3 có tổ chức ăn uống, thấy K và P gần gũi ôm hôn nhau. Do không đồng ý việc K và P ôm hôn nhau nên T3 đã nói với B, T2, S và T1 là khi nào thấy K và P quan hệ tình dục thì sẽ lên đánh K để hù dọa K thì cả nhóm đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi cả nhóm gồm T3, P, K, S, B, T1, T2 cùng nhau ăn nhậu tại nhà P và T3, khi đó P uống rượu nên mệt và lên gác nằm nghỉ thì K đi lên để chăm sóc P. Do có quan hệ tình cảm từ trước nên K và P nằm đắp chăn ôm hôn nhau sau đó nảy sinh ý định quan hệ tình dục với nhau, K cởi quần của P xuống đầu gối và tự cởi quần mình xuống đầu gối, khi đang định thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì T1 đã rình xem từ trước thấy vậy nên đã đi xuống nói với B, S và T2 cùng nhau xông lên dùng tay chân đánh K, lúc đó P và T3 can ngăn nên K chưa bị thương tích gì. Do lúc đó đêm đã khuya nên cả nhóm cho K về nhà nghỉ L

ở cùng thôn để nghỉ. Trước khi K ra khỏi nhà thì T1 gọi S, B, T2 xuống dưới bếp bàn bạc với nhau là trên đường đi sẽ tìm chỗ vắng rồi sẽ tiếp tục đánh K thì cả bọn đồng ý. Khi đi tới đoạn đường vắng ở thôn G, xã E, huyện C thì B, T2, T1 và S cùng nhau dùng tay chân đánh K làm K bị bầm hai mắt, sau đó cả nhóm chở K về nhà nghỉ L và yêu cầu K sáng hôm sau phải có mặt tại nhà P để nói chuyện.

Khoảng 08 giờ ngày 18/12/2018, K lên nhà P, T3 nói chuyện khi đó cả nhóm T3, T1, B, S, T2 yêu cầu K kể lại việc tối ngày 17/12/2018 K đã làm gì với P, sau khi kể lại sự việc K xin cả nhóm cho K về thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này B yêu cầu K phải để lại xe máy biển số 88C1-159.83 để lại để làm tin đợi cuối tháng 12/2018 khi K lên thì mới trả xe thì K đồng ý để xe lại. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày B, T2, S, T1 và T3 cùng nhau bàn bạc là trả lại xe cho K vì sợ giữ xe của K là tài sản lớn thì K sẽ báo công an nên cả nhóm thống nhất khi trả xe cho K thì yêu cầu K phải đưa số tiền 10.000.000 đồng, khi có tiền mỗi người sẽ lấy 1.000.000 đồng để tiêu xài, còn 5.000.000 đồng sẽ đưa P đi khám.

Sau khi đã thống nhất với nhau xong thì cả nhóm cùng nhau đi tới nhà nghỉ L để yêu cầu K đưa số tiền 10.000.000 đồng nhưng trong tài khoản của K chỉ có 2.000.000 đồng nên cả nhóm đe dọa và ép K phải gọi điện về cho người nhà để nói người nhà gửi tiền vào tài khoản cho K. Do bị đe dọa nên người nhà K đã gửi vào tài khoản của K số tiền 7.000.000 đồng. Khi thấy điện thoại báo số tiền người nhà chuyển vào tài khoản cho K thì cả nhóm đã lấy thẻ ATM của K và yêu cầu K cung cấp mật khẩu sau đó cả nhóm đi về. T2 và T1 lấy xe máy biển số 88C1-159.83 đi ra cây ATM đặt tại xã K để rút tiền nhưng tài khoản đã bị khóa nên không rút được tiền. Sau khi vụ việc xảy ra, K đã tới công an xã E để trình báo sự việc.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 162 ngày 18/01/2019 của trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Nguyễn Văn K bị chấn thương phần mềm 02 mắt tỉ lệ thương tích 03%.

Tại bản kết luận pháp y sinh dục số 84 ngày 20/12/2018 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận đối với Phan Thị P: Không ghi nhận tổn thương màng trinh và bộ phận sinh dục.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2019/HSST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh T2, Nguyễn Minh B, Lê Đình T1, Trần Huy S và Phan Thị T3 phạm tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Đình T1 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh B 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T2 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Huy S 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi bắt hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo khác và quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/6/2019 các bị cáo Nguyễn Minh B, Trần Thanh T2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/6/2019 các bị cáo Trần Huy S, Lê Đình T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Huy S, Lê Đình T1, Trần Thanh T2 và Nguyễn Minh B giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, đúng như nội dung vụ án đã nêu.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Huy S, Lê Đình T1, Trần Thanh T2 và Nguyễn Minh B phạm tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, do đó đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 17/12/2018 tại thôn G, xã E, huyện C, sau khi thấy Nguyễn Văn K có hành vi ôm hôn Phan Thị P các bị cáo Trần Huy S, Trần Thanh T2, Nguyễn Minh B, Lê

Đình T1 đã bàn bạc nhau đánh K để hù dọa, cả nhóm đồng ý, sau đó T2, B, T1, S có hành vi dùng tay chân đánh K gây thương tích 03%. Đến ngày 18/12/2019, T2, B, S, T1 có hành vi cưỡng đoạt của K số tiền 9.000.000 đồng. Hành vi của T2, S, B, T1 là nguy hiểm đã xâm hại đến an ninh trật tự xã hội, xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt lần lượt đối với các bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả của các bị cáo gây ra. Khi quyết định hình phạt Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới, do đó không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Huy S, Trần Thanh T2, Nguyễn Minh B và Lê Đình T1 - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 29/2019/HSST ngày 07/6/2019, của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Đình T1 01 năm tù, về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh B 01 năm tù, về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T2 01 năm tù, về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Huy S 01 năm tù, về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi bắt hành án.

[3] Về án phí: Các bị cáo Trần Huy S, Trần Thanh T2, Nguyễn Minh B và Lê Đình T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M’Gar;
- VKSND huyện Cư M’Gar;
- Công an huyện Cư M’Gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung